

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ T&P HOLDINGS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ T&P HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&P HOLDINGS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: T&P HOLDINGS JSC.

2. Mã số doanh nghiệp: 0109492335

3. Ngày thành lập: 12/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

K5-09, Dự án khu nhà ở thấp tầng lô đất BT01, Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 2020 298

Fax:

Email: tpinvestholdings@gmail.com

Website: tpinvest.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) - Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
7.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
8.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm	1420
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
11.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	1702
12.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

13.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm.	2029
14.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
15.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
16.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
17.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
18.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Xây dựng nhà để ở	4101
21.	Xây dựng nhà không để ở	4102
22.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23.	Xây dựng công trình điện	4221
24.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	4299
27.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện (Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy - Lắp đặt hệ thống chống trộm, camera quan sát - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4322
31.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

32.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4610
33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4620
34.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
35.	Bán buôn thực phẩm Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4632
36.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Phân phối rượu - Bán buôn rượu - Bán buôn bia - Bán buôn đồ uống không có cồn Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4633
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá Loại trừ: Hoạt động bán buôn dược phẩm, thiết bị y tế	4649
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Loại trừ hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4669
40.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4690
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá	4719
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4722
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4781
45.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4789
46.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4791
47.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm	4799
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4931

49.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo) (Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	5610
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	5621
56.	Dịch vụ ăn uống khác Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)	5630
58.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán) Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	6619
59.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
60.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ: Hoạt động đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
61.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Thầu và tổng thầu thi công xây dựng công trình - Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị và xây lắp các công trình dựng công nghiệp và dân dụng - Lập dự án đầu tư, báo cáo đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp và dân dụng - Giám sát thi công xây dựng - Khảo sát địa hình; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng.	7110
63.	Quảng cáo Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7310
64.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
65.	Cho thuê xe có động cơ Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7710
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	7730
67.	Đại lý du lịch	7911
68.	Điều hành tua du lịch	7912
69.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
70.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	8110
71.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
72.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
73.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
74.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	8211
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
76.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Loại trừ: hoạt động hợp báo	8230
77.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm	8560
78.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THÀNH VINH	P2805A, Tầng 28, Chung cư FLC Landmark Tower, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	99,000	040079000063	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.000	990.000.000	99,000		
2	TRẦN QUANG VINH	Thôn Quất Tinh, Xã Quất Động, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	017338397	
			Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	0,500		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500	5.000.000	0,500		

3	TRẦN THỊ THANH BÌNH	Thôn Quất Tinh, Xã Quất Động, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	001175013458
			Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	0,500	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500	5.000.000	0,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THÀNH VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040079000063

Ngày cấp: 15/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P2805A, Tầng 28, Chung cư FLC Landmark Tower, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: K5-09, Dự án khu nhà ở thấp tầng lô đất BT01, khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội